TAND THÀNH PHỐ L **TỈNH L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 20 - 7 - 2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;**

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Liên
2. Ông Lý Chí Sung

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: Bà Đồng Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐST - HNGĐ ngày 23/6/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị L1, sinh năm 1987; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 9, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L. *Vắng mặt,có đơn xin xét xử vắng mặt*

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1982. Nơi ĐKHKTT: Tổ 9, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L. Chỗ ở hiện nay: Số 201, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. *Vắng mặt,có đơn xin xét xử vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố L, chị Trần Thị L1 là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn H kết hôn ngày 01/10/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Đ. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay hai anh chị đã sống ly thân. Chị Trần Thị L1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn H.

Về con chung: Chị và anh Đoàn Văn H có 3 con chung, con thứ nhất tên là Đoàn Thế A, sinh ngày 24/7/2005; Con thứ hai tên là Đoàn Trần Gia T, sinh ngày 07/02/2012 và con thứ ba tên là Đoàn Trần Khôi V, sinh ngày 25/9/2019. Sau khi ly hôn, chị L1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Đoàn Trần Gia T, và Đoàn Trần Khôi V cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Đoàn Thế A cho anh Đoàn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị Trần Thị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đoàn Văn H vắng mặt và có văn bản nêu ý kiến về các vấn đề pH giải quyết trong vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L1 đề nghị ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh và chị Trần Thị L1 có 03 con chung, con thứ nhất tên là Đoàn Thế A, sinh ngày 24/7/2005; Con thứ hai tên là Đoàn Trần Gia T, sinh ngày 07/02/2012 và con thứ ba tên là Đoàn Trần Khôi V, sinh ngày 25/9/2019. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn Trần Gia T cho đến khi cháu Gia T đủ 18 tuổi và giao các cháu Đoàn Thế A, Đoàn Trần Khôi V cho chị Trần Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu phản tố.

Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị L1 nhất trí việc nuôi con theo yêu cầu của anh Đoàn Văn H là giao cháu Đoàn Trần Gia T cho anh Đoàn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu Gia T đủ 18 tuổi. Còn chị sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Đoàn Thế A, Đoàn Trần Khôi V cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Lời khai của cháu Đoàn Thế A, sinh ngày 24/7/2005. Cháu biết việc bố mẹ mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm. Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Lời khai của cháu Đoàn Trần Gia T, sinh ngày 07/02/2012. Cháu biết việc bố mẹ mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm. Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán được phân công. Tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; Xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; Thu thập chứng cứ khách quan, công khai; Ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; Việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử

vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 254, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân & gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị L1. Chị Trần Thị L1 được ly hôn với anh Đoàn Văn H. Về việc nuôi con: Giao cháu Đoàn Trần Gia T cho anh Đoàn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu Gia T đủ 18 tuổi. Giao các cháu Đoàn Thế A, Đoàn Trần Khôi V cho chị Trần Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Đoàn Văn H và chị Trần Thị L1 không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt vấn đề giải quyết. Về chia tài sản: Chị Trần Thị L1 và anh Đoàn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị L1 pH chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đề nghị ghi nhận quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố L, tỉnh L, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Bị đơn là anh Đoàn Văn H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại tòa nhưng đã gửi văn bản nêu ý kiến bị đơn và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Đoàn Văn H và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, việc tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 01 tháng 10 năm 2004, chị Trần Thị L1 và anh Đoàn Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Đ trên cơ sở hai bên tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng không được như mong muốn. Chị Trần Thị L1 và anh Đoàn Văn H đã sống ly thân từ đầu năm đến nay, chị L1

sống tại thành phố L, tỉnh L còn anh H sinh sống tại thành phố C, tỉnh Đồng T. Trong thời gian đó, hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau vun vén hạnh phúc gia đình; không chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... Vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến thời điểm này chị Trần Thị L1 và anh Đoàn Văn H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2] Về việc nuôi con: Chị Trần Thị L1 và anh Đoàn Văn H có 03 con chung, con thứ nhất tên là Đoàn Thế A, sinh ngày 24/7/2005; Con thứ hai tên là Đoàn Trần Gia T, sinh ngày 07/02/2012 và con thứ ba tên là Đoàn Trần Khôi V, sinh ngày 25/9/2019. Anh Đoàn Văn H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn Trần Gia T cho đến khi cháu Gia T đủ 18 tuổi và giao các cháu Đoàn Thế A, Đoàn Trần Khôi V cho chị Trần Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị L1 nhất trí.

Việc anh chị tự nguyện nhận trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung khi ly hôn đảm bảo cho các con có sự phát triển tốt nhất về mọi mặt, đảm bảo quyền được yêu thương, tôn trọng, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội ... Đối chiếu với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh chị không yêu cầu cấp dưỡng cho các cháu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Anh chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

[3]. Về chia tài sản: Chị Trần Thị L1 và anh Đoàn Văn H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị L1 pH chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 254, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân & gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L1 được ly hôn với anh Đoàn Văn H.

2. Việc nuôi con: Chị Trần Thị L1 và anh Đoàn Văn H có 03 con chung, con thứ nhất tên là Đoàn Thế A, sinh ngày 24/7/2005; Con thứ hai tên là Đoàn Trần Gia T, sinh ngày 07/02/2012 và con thứ ba tên là Đoàn Trần Khôi V, sinh ngày 25/9/2019.

Giao cháu Đoàn Trần Gia T cho anh Đoàn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu Gia T đủ 18 tuổi.

Giao các cháu Đoàn Thế A, Đoàn Trần Khôi V cho chị Trần Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Đoàn Văn H và chị Trần Thị L1 không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Anh, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản: Chị Trần Thị L1 và anh Đoàn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Trần Thị L1 pH chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001628 ngày 04/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*). Xác nhận chị Trần Thị L1 đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND TP. L;
- THADS TP.L;
- UBND xã N, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Đ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tòng Thị Tuyết